

SỞ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
Kỳ thi Olympic Truyền Thống 30/4 lần thứ XXII năm 2016
Tổ chức tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh
Khóa thi ngày 02/04/2016

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Địa

Thang Điểm

20

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
1	0775	Lâm Thu	Thủy	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	18,750	1	HCV
2	0789	Hoàng Thu	Vân	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	17,500	2	HCV
3	0786	Nguyễn Thị Ái	Uyên	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	17,500	2	HCV
4	0762	Lê Minh	Sáng	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	17,250	4	HCV
5	2063	Nguyễn Thị Mai	Xuân	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	17,000	5	HCV
6	2032	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	16,500	6	HCV
7	2043	Cao Ngọc	Tâm	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	16,500	6	HCV
8	2017	Đặng Thu	Huyền	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	16,250	8	HCV
9	0787	Hoàng Thị Hà	Uyên	Chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa - Vũng tàu	16,000	9	HCV
10	0764	Nguyễn Thị	Thân	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	16,000	9	HCV
11	1992	Phạm Đỗ	Ân	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	15,750	11	HCV
12	0793	Lê Phương	Vy	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	15,750	11	HCV
13	2052	Đỗ Thị Kiều	Trinh	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	15,750	11	HCV
14	0727	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	15,500	14	HCV
15	0726	Phan Thị Cẩm	Giang	Chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	15,500	14	HCV
16	2029	Lê Thị Tuyết	Nhi	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	15,500	14	HCV
17	0784	Trần Bùi Anh	Tuấn	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	15,500	14	HCV
18	0748	Phạm Thái	Nguyên	Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	15,250	18	HCV
19	0739	Nguyễn Phương Thà	Ly	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	15,250	18	HCV
20	0758	Trần Thị Minh	Phương	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	15,000	20	HCV
21	1998	Lê Hưng Quốc	Bảo	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	15,000	20	HCV
22	2065	Nguyễn Hoàng	Yến	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	15,000	20	HCV
23	0757	Bùi Thị Uyên	Phương	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	15,000	20	HCV
24	2004	Nguyễn Tấn	Đạt	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	15,000	20	HCV
25	0761	Trần Minh	Quang	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	15,000	20	HCV
26	0721	Hồ Châu Bảo	Dung	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	14,750	26	HCB
27	2062	Võ Hoàng	Vũ	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	14,750	26	HCB
28	0782	Trần Quốc	Trung	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	14,750	26	HCB
29	0794	Doãn Thị Hải	Yến	THPT Đắk Song	Đắk Nông	14,750	26	HCB
30	2041	Phạm Phương	Quỳnh	THPT Gia Định	TP.HCM	14,750	26	HCB
31	2599	Lê Hà Minh	Tâm	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	14,750	26	HCB
32	1993	Võ Ngọc Bích	An	THPT Gia Định	TP.HCM	14,750	26	HCB
33	1995	Đinh Lan	Anh	Chuyên Bình Long	Bình Phước	14,500	33	HCB
34	2030	Lê Thị Yến	Nhi	THPT Hùng Vương	Bình Phước	14,500	33	HCB
35	0724	Võ Hương	Giang	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	14,500	33	HCB
36	2002	Huỳnh Thảo	Duy	THPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	14,500	33	HCB
37	0734	Nguyễn Phan	Khôi	Chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	14,500	33	HCB
38	2601	Mai Thủy	Tiên	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	14,500	33	HCB
39	0756	Bùi Thị Thanh	Phương	Chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	14,250	39	HCB
40	0754	Lâm Thiên	Phú	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	14,250	39	HCB
41	2054	Lê Cẩm	Tú	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	TP.HCM	14,250	39	HCB
42	2022	Huỳnh Thùy	Linh	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	14,250	39	HCB
43	0769	Đỗ Khắc	Thuần	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	14,250	39	HCB
44	2018	Vưu Quan	Khải	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	14,250	39	HCB
45	0792	Lê Nguyễn Thúy	Vy	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	14,250	39	HCB
46	2037	Đặng Thị Mai	Phương	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	14,000	46	HCB
47	0717	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	14,000	46	HCB

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Địa

Thang Điểm

20

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
48	0781	Phạm Thị Khánh	Trình	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	14,000	46	HCB
49	0783	Vũ Thị	Tư	THPT Đắk Song	Đắk Nông	14,000	46	HCB
50	0728	Nguyễn Hải	Hiệp	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	14,000	46	HCB
51	0777	Nguyễn Thị Hương	Trà	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	13,750	51	HCB
52	0723	Võ Thị Kim	Thoa	Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	13,750	51	HCB
53	2047	Nguyễn Thị Mộng	Thương	Chuyên Bình Long	Bình Phước	13,750	51	HCB
54	1999	Huỳnh Phúc	Chương	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	13,750	51	HCB
55	2046	Trần Đỗ Kim	Thư	Trung học Thực hành - ĐHSPT	TP.HCM	13,750	51	HCB
56	2049	Trần Thị Kiểng	Tiên	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	13,500	56	HCD
57	0759	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	THPT Phan Đình Phùng	Đắk Nông	13,500	56	HCD
58	2000	Nguyễn Thị Hoàng	Diệu	THPT Hùng Vương	Bình Phước	13,250	58	HCD
59	2039	Trương Đăng	Quang	THPT Nguyễn Thượng Hiền	TP.HCM	13,250	58	HCD
60	0718	Phan Thị Thu	Cúc	THPT Pleiku	Gia Lai	13,250	58	HCD
61	0790	Nguyễn Võ Ngọc	Vi	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	13,250	58	HCD
62	0773	Trương Thị Linh	Thùy	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	13,250	58	HCD
63	2007	Phan Ngọc Trúc	Hà	Chuyên Long An	Long An	13,250	58	HCD
64	2026	Nguyễn Thị Trúc	My	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	13,000	64	HCD
65	0765	Đặng Ngọc	Thanh	THPT Phan Đình Phùng	Đắk Nông	13,000	64	HCD
66	2019	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	13,000	64	HCD
67	0776	Lê Diệu	Tiên	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	13,000	64	HCD
68	2012	Châu Long	Hồ	THPT Long Xuyên	An Giang	13,000	64	HCD
69	2001	Trương Khánh	Duy	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	12,750	69	HCD
70	2003	Trần Phát	Đạt	Chuyên Nguyễn Quang Diệu	Đồng Tháp	12,750	69	HCD
71	2061	Nguyễn Duy	Vĩnh	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	12,750	69	HCD
72	2060	Đoàn Ngọc Lâm	Viên	THPT Gia Định	TP.HCM	12,750	69	HCD
73	0741	Dương Văn	Nam	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	12,750	69	HCD
74	0729	Lê Minh	Hiếu	Chuyên Nguyễn Bình Khiêm	Vĩnh Long	12,750	69	HCD
75	2013	Đặng Thị Kim	Hoa	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	12,750	69	HCD
76	2016	Du Thị Ngọc	Huyền	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	12,750	69	HCD
77	2027	Trần Ngọc	Mỹ	THPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	12,500	77	HCD
78	2600	Nguyễn Kim	Thoa	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	12,500	77	HCD
79	0751	Nguyễn Mai Phương	Nhung	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	12,500	77	HCD
80	1997	Huỳnh Lê Trâm	Anh	Trung học Thực hành - ĐHSPT	TP.HCM	12,500	77	HCD
81	0731	Trương Hồng	Huệ	THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đắk Lắk	12,250	81	HCD
82	1996	Phan Ngọc Phương	Anh	Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	12,250	81	HCD
83	2051	Phạm Trần Đoàn	Trang	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	12,250	81	HCD
84	0774	Lê Thị Thanh	Thùy	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	12,250	81	HCD
85	2053	Phan Nhật	Trường	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	12,250	81	HCD
86	2059	Hồ Hà	Uyên	Chuyên Bình Long	Bình Phước	12,250	81	HCD
87	2066	Đặng Hoàng	Yến	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	12,250	81	HCD
88	2005	Đặng Thành	Đạt	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	12,250	81	HCD
89	0736	Nguyễn Thị Trung	Kiên	THPT Phan Đình Phùng	Đắk Nông	12,000	89	
90	0780	Nguyễn Thị Hồng	Trang	THPT Thực Hành Cao Nguyên	Đắk Lắk	12,000	89	
91	0755	Nguyễn Thạch Ngọc	Phúc	THPT Trường Chinh	Đắk Nông	12,000	89	
92	0733	Trần Đức	Huy	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	12,000	89	
93	0768	Lư Thị Dương	Thảo	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	12,000	89	
94	0753	Đặng Lưu Hoàng	Oanh	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	12,000	89	

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Địa

Thang Điểm

20

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
95	0719	Nguyễn Việt	Cường	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	12,000	89	
96	0779	Nguyễn Phương	Trang	THPT Trần Hưng Đạo	Đắk Nông	11,750	96	
97	0749	Nguyễn Đăng Tiểu	Quỳnh	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	11,750	96	
98	0732	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	THPT Trường Chinh	Đắk Nông	11,750	96	
99	0730	Huỳnh Hồng	Hoàng	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	11,750	96	
100	2011	Hoàng Thị	Hiển	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	11,750	96	
101	2009	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	THPT Long Xuyên	An Giang	11,500	101	
102	0771	Lê Thị Hoài	Thương	THPT Nguyễn Văn Linh	Phú Yên	11,500	101	
103	0716	Trần Thị Kim	Anh	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	11,500	101	
104	2050	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	11,500	101	
105	0788	Nguyễn Lê Thảo	Vân	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	11,500	101	
106	2014	Bùi Đoàn Nhựt	Huy	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	11,250	106	
107	0740	Nguyễn Đăng Trà	Mi	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	11,000	107	
108	0747	Bạch Nguyên	Nguyên	THPT Trường Chinh	Đắk Nông	11,000	107	
109	2058	Nguyễn Thị Thu	Uyên	THPT Hùng Vương	Bình Phước	10,750	109	
110	0767	Đặng Lê Ngọc	Thảo	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	10,750	109	
111	2064	Bùi Như	Ý	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	10,750	109	
112	0791	Lê Thị Xuân	Viên	THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	10,750	109	
113	2042	Trần Thế	Sang	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	10,500	113	
114	2044	Nguyễn Việt	Thắng	Chuyên Long An	Long An	10,500	113	
115	0720	Bùi Thị	Dung	THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đắk Lắk	10,250	115	
116	0778	Nguyễn Thị Bảo	Trần	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	10,000	116	
117	1994	Võ Thị Quế	Anh	THPT Long Xuyên	An Giang	10,000	116	
118	0737	Nguyễn Duy	Lân	THPT Krông Nô	Đắk Nông	10,000	116	
119	0763	H'	Tầm Knul	THPT Dân tộc nội trú N'Trang Lơng	Đắk Lắk	10,000	116	
120	0725	Tống Nguyên Trà	Giang	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	10,000	116	
121	0742	Nghiêm Hồ Nhược	Nam	THPT Đắk Song	Đắk Nông	10,000	116	
122	2055	Bùi Anh	Tuấn	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	10,000	116	
123	2028	Đình Bảo	Ngọc	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	10,000	116	
124	2040	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	Chuyên Nguyễn Quang Diệu	Đồng Tháp	9,750	124	
125	2010	Phan Vĩ	Hào	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	9,750	124	
126	2045	Nguyễn Thị Minh	Thư	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	9,750	124	
127	2006	Dương Duy	Đôn	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	9,750	124	
128	0722	Nguyễn Thành	Duy	THPT Phạm Văn Đồng	Đắk Nông	9,750	124	
129	0750	Trần Thị Mỹ	Nhân	THPT Trần Hưng Đạo	Đắk Nông	9,750	124	
130	2038	Nguyễn Trúc	Phương	Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	9,500	130	
131	0760	Dương Thị	Phương	THPT Trần Hưng Đạo	Đắk Nông	9,500	130	
132	0770	Trần Thị Thanh	Vân	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	9,500	130	
133	2021	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Chuyên Trần Đại Nghĩa	TP.HCM	9,250	133	
134	0744	Tăng Thị Bích	Ngọc	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	9,250	133	
135	2024	Nguyễn Gia	Lực	THPT Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM	9,250	133	
136	0743	Bùi Thị	Ngân	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	9,250	133	
137	0746	Nguyễn Bá Cao	Nguyên	THPT Pleiku	Gia Lai	9,000	137	
138	0738	Nguyễn Thị Yến	Linh	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	9,000	137	
139	2025	Hồ Nhật	Minh	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	9,000	137	
140	2015	Tào Quốc	Huy	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	8,750	140	
141	2008	Nguyễn Thanh	Hạ	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	8,750	140	

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11

Môn: Địa

Thang Điểm

20

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
142	0715	Hồ Đăng Văn	Anh	THPT Nguyễn Huệ	Phú Yên	8,500	142	
143	2036	Phan Thị Ngọc	Phụng	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	8,500	142	
144	2033	Lê Đoàn Nhật	Phong	Trung học Thực hành - ĐHSP	TP.HCM	8,000	144	
145	2031	Hồ Trần Huỳnh	Như	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	8,000	144	
146	0766	Vương Trường	Thành	THPT Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	7,750	146	
147	0735	Phan Hoàng	Khởi	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	7,500	147	
148	2034	Võ Thị Kim	Phụng	Chuyên Long An	Long An	7,000	148	
149	2048	Lê Ngọc	Thủy	THPT Trịnh Hoài Đức	Bình Dương	7,000	148	
150	0785	Nguyễn Ngọc Mộng	Tuyên	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	6,750	150	
151	0752	Nguyễn Thị Kim	Oanh	THPT Pleiku	Gia Lai	6,500	151	
152	0772	Nguyễn Trần Thanh	Thùy	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	6,500	151	
153	2057	Bùi Tú	Uyên	THPT Nguyễn Việt Hồng	Cần Thơ	6,250	153	
154	0745	Trương Bảo	Ngọc	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	6,000	154	
155	2056	Trương Đức	Uy	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	6,000	154	
156	2023	Nguyễn Thị Ngọc	Lợi	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	5,750	156	
157	2035	Hồ Văn	Phụng	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	5,250	157	
158	2020	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	5,250	157	